VỀ SỰ TRỖI DẬY VÀ SUY TÀN CỦA TRẬT TỰ BRITANICA(*)

TRẦN KHÁNH*
NGUYỄN VĂN TUẤN**

Nhờ năng lực tạo dựng và khai thác chính sách thương mại tự do của chủ nghĩa tư bản, nhất là phát triển một mạng lưới mậu dịch với sự năng động của các công ty tư nhân và sự hỗ trợ đắc lực của hải quân cũng như thiết lập một hệ thống thuộc địa rộng lớn trên quy mô toàn cầu đã đưa Vương quốc Anh (1) vượt các đế quốc khác ở châu Âu, trở thành một đế chế có "mặt trời không bao giờ lặn", "công xưởng thế giới", "trung tâm giao dịch của vũ trụ" (2), chi phối các dòng thương mại và luật pháp kinh doanh quốc tế, đóng vai trò như một lực lượng cảnh sát chủ chốt trên các đại dương trong thế kỷ XIX. Chính những yếu tố trên đã tạo dựng nên một "nền hòa bình Anh quốc" (Pax Britanica", một "Trật tự Anh quốc" (Britanica Order or British Order) (3) với tư cách là người tạo dựng, bảo trợ, chi phối các luật chơi trong quan hệ quốc tế khoảng 100 năm, kể từ 1815 đến 1914. Tuy nhiên, trật tự này suy yếu và suy tàn trong thế kỷ XX không chỉ bởi các thế lực, trung tâm quyền lực khác nhau vươn lên cạnh tranh, thiết lập một trật tự thế giới mới, mà còn bởi quán tính của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, sự sao nhãng hay thiên lệch trong đầu tư phát triển những hàng hóa, công nghệ mới có sức cạnh tranh cao cũng như thiếu tự chủ chiến lược trong quan hệ quốc tế. Đây là những vấn đề rất lớn. Bài viết này chỉ tập trung diễn giải quá trình thiết lập, suy tàn của đế quốc Anh nói chung, Trật tự Britanica nói riêng trong lịch sử, trong đó cố gắng giải thích những nguyên nhân chính diễn ra của quá trình trên.

1. Sự thiết lập Trật tự Britanica

1.1. Sự hình thành đế quốc Anh trong thế kỷ XVI-XVIII

Trước hết là *thiết lập phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa*; Sau khi thoát khỏi sự cai trị của ngoại bang ở thế kỷ XI, nước Anh bước vào thời kỳ phát triển mới với sự nổi lên của tầng lớp quý tộc mới, nhất là các lãnh chúa, những người muốn có nhiều quyền về chính trị, tự do cá nhân, không muốn sự áp đặt hay chi phối từ vua, quan và Giáo hội Công giáo La Mã. Trước sức ép này, vua Anh lúc đó là John buộc phải chấp nhận bản thảo và phê chuẩn "Những điều khoản của các lãnh chúa" (sau đó đổi tên thành "Đại Hiến chương" (Magn Carta) vào năm 1215, trong đó đề cao quyền sở hữu tài sản và bình đẳng trước pháp luật (4), dành cho các "công dân tự do" (chủ yếu là của giới quý tộc, lãnh chúa). Đại Hiến chương này không chỉ tạo nên

*PGS.TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
**TS. Đại học Vinh

một cơ sở cho sự ra đời của luật pháp tư sản Anh sau này, mà còn tạo ra một động lực, chất xúc tác mới cho sự hình thành đông đảo một lực lượng chính trị mới cho Cách mạng Tư sản Anh (người Anh gọi là Cách mạng Vinh quang), thiết lập phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa trong thế kỷ XVII (5).

Có lẽ *cạnh tranh thuộc địa và mậu dịch quốc tế*, trước hết tiến hành thuộc địa hóa ở Bắc Mỹ và các đảo nhỏ ở vùng biển Caribe cùng với thiết lập mạng lưới các trạm, cơ sở mậu dịch do các công ty cổ phần tư nhân Anh tạo dựng trong thế kỷ XVI-XVII tạo ra bước đột phá cho sự hình thành đế quốc Anh. Vào cuối thế kỷ XV, người Anh đã đặt chân đến vùng đất ven biển phía Đông Bắc của Bắc Mỹ (nay thuộc Canada) và vào gần cuối thế kỷ XVI họ đã tuyên bố chủ quyền ở vùng đất được gọi với cái tên là Newfoundland (6). Sang thế kỷ XVII, người Anh trở nên cạnh tranh mạnh mẽ với các cương quốc khác ở châu Âu, nhất là với Tây Ban Nha, sau đó là Hà Lan và Pháp. Năm 1607, khu định cư đầu tiên của người Anh được thành lập tại Jamestown thuộc bang Virginia ngày nay. Sau đó các công ty thương mại của Anh lần lượt thành lập các bang khắp Bắc Mỹ. Từ thời gian này, các thuộc địa của người Hà Lan, Tây Ban Nha và Pháp tại Bắc Mỹ cũng lần lượt bị người Anh thâu tóm (7), đồng thời từng bước kiểm soát buôn bán nô lệ từ châu Phi (8). Có thể nói, vận chuyển và buôn bán nô lệ châu Phi đã mang mang lại một nguồn lợi nhuận khổng lồ và là một trong những trụ cột cho phát triển kinh tế nước Anh, nhất là ở các thành phố, cảng biển phía Tây nước này. Cùng với nhu cầu gia tăng xuất nhập khẩu hàng hóa và đảm bảo an ninh trên biển, việc vận chuyển nô lệ từ châu Phi đã thúc đẩy nhanh chóng ngành đóng tàu biển và lực lượng hải quân Anh.

Để cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ ở phương Đông, từ đầu thế kỷ XVII Anh đã lập nên các *Công ty thương mại cổ phần*, điển hình là Công ty thương mại London ở Đông Ấn mà sau này gọi là Công ty Đông Ấn Anh (The English East India Company-EIC) được thành lập vào năm 1600. Cũng khá giống như Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) (9), EIC của Anh giành được toàn quyền tiến hành mậu dịch với phương Đông, bao gồm cả việc ký các hiệp định thương mại, hiệp ước liên minh với nước ngoài. Các công ty thương mại cổ phần ra đời không chỉ đánh dấu bước phát triển mới trong hình thành vốn và quản trị kinh doanh, mà còn mở ra giai đoạn mới trong cạnh tranh thương mại và thuộc địa giữa các đế quốc, nhất là giữa Anh và Hà Lan, sau đó là Pháp trên quy mô toàn cầu, trước hết là ở châu Á. Tuy nhiên cho đến những thập niên cuối của thế kỷ XVII, do nhiều nguyên nhân, người Anh chủ yếu thành công về thương mại và thuộc địa ở Bắc Mỹ, nhưng ở châu Á vẫn còn thua kém các thực dân khác, nhất là với Hà Lan (10). Sang thế kỷ XVIII, nước Anh trở nên thắng thế trong cạnh tranh thuộc địa và thương mại trên quy mô toàn cầu. Điều này được tạo dựng không chỉ những thành công trong chinh phục thuộc địa và thương mại ở Bắc Mỹ, có hệ thống các thương điếm rải khắp châu Á (11) cùng với đội tàu biển mạnh nhất thế giới, mà còn là nước có nền sản xuất hàng hóa và công nghiệp hóa phát triển nhất thế giới cũng như sự ra đời của Liên hiệp Anh (12). Ở châu Mỹ, Anh đã giành lại vùng đất Newfoundland và Acadia ở Đông Bắc của Bắc Mỹ bị người Pháp chiếm đóng. Ở châu Âu, Anh chiếm vùng đất Gibraltar của Tây Ban Nha nhằm kiểm soát lối ra vào Địa Trung Hải. Cùng với đó vào năm 1802, Anh buộc Tây Ban Nha cho phép họ có quyền được buôn bán

nô lệ tại các xứ thuộc địa của Tây Ban Nha ở khu vực Mỹ-Latin. Điều này cho phép Anh có thêm nguồn lợi lớn và gia tăng ảnh hưởng tại khu vực này (13). Còn ở châu Á, EIC Anh trở thành đội quân tiên phong không chỉ trong mở rộng thương mại mà còn cả trong thiết lập hệ thống thuộc địa, nhất là ở Ấn Độ và Đông Nam Á (14).

Như vậy, có thể nói rằng, cùng với sự thắng lợi của Cách mạng tư sản và sự ra đời của Liên hiệp Anh, sự hình thành mạng lưới mậu dịch quốc tế, bao gồm cả hệ thống buôn bán nô lệ châu Phi và sự năng động của các công ty tư nhân Anh khắp thế giới cũng như việc kiểm soát được một vùng thuộc địa rộng lớn ở Bắc Mỹ và Ấn Độ đã giúp nước Anh trở thành một đế quốc hùng mạnh nhất thế giới trong thế kỷ XVIII.

1.2. Sự thiết lập Trật tự Britanica trong thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Trước hết là thiết lập một đế chế "mặt trời không bao giời lặn" và trở thành một lực lượng cảnh sát toàn cầu. Sự kiện 13 đơn vị thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ ly khai, tuyên bố độc lập, thành lập Hợp chủng quốc Hoa Kỳ vào năm 1776 (15) đã buộc đế quốc Anh trở nên sốt sắng tìm kiếm và thiết lập thuộc địa mới. Khu vực châu Á, châu Phi và Nam Thái Bình Dương trở thành tâm điểm của các nỗ lực mới của Anh. Công ty Đông Ấn Anh (EIC) (16) ở nửa sau thế kỷ XVIII tiếp tục củng cố thuộc địa ở Ấn Độ (17), tiến hành thuộc địa hóa đảo Penang từ năm 1786, chiếm Java từ Hà Lan vào năm 1811, thu nhận Singapore vào năm 1819, bắt Hà Lan nhượng bang Malacca vào năm 1824 và từng bước xâm lược Miến Điện. Từ nửa sau thế kỷ XIX, thực dân Anh thôn tính toàn bộ Miến Điện và sáp nhập nước này thành một tỉnh của Ấn Độ cũng như cưỡng ép các bang còn lại của người Malaya ở phía Bắc và Tây Bắc đảo Botneo và ở trên bán đảo Malacca ký hiệp định bảo hộ, công nhận quyền cai trị của Anh. Cùng với đó, vào giữa thế kỷ XIX Anh còn bắt ép Trung Quốc (18), Xiêm ký các hiệp ước bất bình đẳng, theo đó bắt hai nước này mở cửa thị trường, nhường một phần chủ quyền của mình cho Anh (19). Trong khi đó người Anh từ cuối thế kỷ XVIII đã tuyên bố lãnh thổ của Australia và Newzeland thuộc chủ quyền của họ và tiến hành thuộc địa hóa, đưa tù nhân đến khai phá vùng đất Nam Thái Bình Dương này (20). Từ đầu thế kỷ XX, Australia và Newzeland được Anh cho quyền quốc gia tự trị nằm trong Khối thịnh vượng Anh đứng đầu là Nữ hoàng Victoria. Cũng từ thời gian này New Guinea và các đảo lân cận bị Anh thôn tính (năm 1888) trở thành Lãnh thổ Papua thuộc Australia (từ 1906).

Từ thế kỷ XIX, nhất là nửa sau thế kỷ XIX, Đế quốc Anh trở nên quyết liệt hơn trong việc tranh giành với các đế quốc khác, nhất là Pháp trong mở rộng thuộc địa ở châu Phi và với Nga ở khu vực Balkan và Trung Đông. Ở châu Phi, Anh đã dùng tiền bạc và sức mạnh quân sự để thôn tính các nước Bắc Phi, Tây Phi và Nam Phi. Năm 1882, Anh giành được thực quyền kiểm soát Ai Cập và đến năm 1914 biến nước này thành xứ bảo hộ (21). Từ những năm 90 của thế kỷ XX, Anh chinh phục Sudan, Nigeria, Kenya và Uganda. Ở phía Nam, Anh dùng mũi Hảo Vọng (22) làm bàn đạp xâm chiếm các nước châu Phi gần kề và đến năm 1899 hầu như toàn bộ lãnh thổ Nam Phi ngày nay bị người Anh thôn tính và đến năm 1910 Liên minh Nam Phi được thành lập và là một lãnh thổ tự trị nằm trong Khối Liên hiệp Anh.

Ở khu vực Balkan và Trung Đông, đế quốc Anh từ giữa thế kỷ XIX trở nên cạnh tranh quyết liệt với các đế quốc khác như Nga, Pháp, Ý và Đức. Từ thời gian này, hải

quân Anh đã thiết lập phần lớn sự kiểm soát của họ trên Vịnh Ba Tư và chiếm, sáp nhập vùng đất Baluchistan (nay là một tỉnh của Pakistan) vào đế chế Anh năm 1876. Không những thế, Anh cùng với Pháp tiến hành chiến tranh với Nga ở khu vực Balkan và Biển Đen nhằm kìm chế sự bành trướng của Nga vào khu vực thuộc đế chế Ottoman đang suy yếu (23). Cùng với đó, Anh tiếp tục củng cố vị thế của họ ở Địa Trung Hải, trong đó thúc ép Đế quốc Ottoman nhường chủ quyền đảo Síp cho Anh vào năm 1878 để đổi lại sự đảm bảo an ninh trước sự bành trướng của Nga.

Trong quá trình thuộc địa hóa, hải quân Anh không chỉ là một đội quân đi đầu trong việc đánh chiếm, thiết lập bộ máy cai trị, mà còn cung cấp các dịch vụ trên biển, nhất là bảo vệ an ninh các tuyến hàng hải quan trọng trên thế giới, trong đó có việc tham gia trấn áp hải tặc và ngăn chặn buôn bán nô lệ bất hợp pháp qua vùng lãnh thổ của đế chế Anh (24).

Như vậy có thể nói rằng, từ những thập niên cuối của thế kỷ XVIII trở đi, nhất là trong thời gian trị vì của Nữ hoàng Victoria (1837-1901), Vương quốc Anh đã thiết lập được một hệ thống thuộc địa và phụ thuộc rộng lớn trên quy mô toàn cầu với diện tích lãnh thổ khoảng 26.000.000 km^2 (chiếm khoảng ¼ diện tích địa cầu) và dân số khoảng 400 triệu người (25). Đế quốc Anh thống trị từ Canada đến Australia và Newzeland, từ Singapore, Hồng Kông đến Nigerria và Nam Phi, từ lục địa Ấn Độ đến bán đảo Malacca. Các cảng chiến lược như Gibratar (nằm ở cực Nam bán đảo Iberia), Hồng Kông. Singapore và Aden, các tuyến đường buôn bán trọng yếu như Cape (Hảo vọng) từ Anh đến Ấn Độ, tuyến kênh đào Suez tới các đồn điền trồng cây gia vị và cao su, khai thác thiếc ở Đông Nam Á đều do Anh kiểm soát. Trong quá trình trên, hải quân Anh không chỉ là một đội quân tiên phong trong xâm chiếm, áp đặt thuộc địa, mà còn cung cấp các dịch vụ giống như cảnh sát biển.

Tiếp đến là *nước Anh trở thành công xưởng và trung tâm giao dịch của thế giới.* Cách mạng Công nghiệp bắt đầu ở nước Anh từ nửa sau thế kỷ XVIII sau đó lan ra khắp thế giới, trong đó có các thuộc địa Anh, nhất là ở Bắc Mỹ. Cùng với mở rộng và khai thác thuộc địa, cách mạng công nghiệp, nhất là cơ khí hóa, sau đó là điện khí hóa trong thế kỷ XIX (26) đã biến nước Anh thành công xưởng thế giới, có năng lực sản xuất vượt trội cùng với một thị trường tiêu thụ rộng lớn so với các quốc gia khác. Đây chính là nguyên nhân vì sao nước Anh lại là cường quốc kinh tế số một thế giới trong phần lớn thế kỷ XIX, bất chấp sự cạnh tranh từ các cường quốc khác, nhất là từ Pháp. Trong thế kỷ này, Anh không chỉ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong sản lượng sản xuất hàng hóa thế giới, mà còn là nước ưu thế vượt trội về tỷ trọng thương mại hàng hóa sản xuất ra và có số lượng đông đảo nhất về thương nhân hoạt động trên toàn cầu (27).

Cùng với trên, *chính sách thương mại tự do* mà Anh áp dụng và theo đuổi từ cuối thế kỷ XVIII (28) đã giúp nước Anh đoạn tuyệt với chủ nghĩa trọng thương và chính sách bảo hộ mậu dịch, nhanh chóng gạt bỏ các đối thủ như Tây Ban Nha và vượt qua Hà Lan và sau đó là Pháp trong chinh phục thị trường thế giới (29).

Hơn nữa, *sự cân bằng tương đối về quyền lực ở châu Âu* sau khi Napoleon của Pháp bại trận và Hòa ước của Đại hội Vienna được ký kết vào năm 1815 đã mang lại lợi ích và thế mạnh cho nước Anh để mở rộng quyền lực, trong đó có việc tiếp quản, chiếm giữ nhiều vị trí chiến lược về hàng

hải ở Địa Trung Hải, ở Ấn Độ Dương, vùng biển Caribe và Nam Mỹ (30). Điều quan trọng hơn là Đại hội Vienna đã đưa ra một giải pháp hoà bình, khôi phục lại hệ thống hay trật tự Westphalia được thiết lập từ 1648, trong đó các nước châu Âu cam kết là chống lại tập trung hóa quyền lực, đề cao sự bình đẳng về chủ quyền và tôn trọng quyền tự quyết quốc gia-dân tộc (31). Điều này mang lại nền hòa bình tương đối cho châu Âu và tạo thêm môi trường thuận lợi cho nước Anh mở rộng quyền lực trong phạm vi toàn cầu. Ngoài ra, sự ổn định chính trị nội bộ trong nước Anh so với cường quốc khác ở châu Âu, nhất là với Pháp và Đức (32) cũng như việc nước Anh bãi bỏ chế độ nô lệ trong lãnh thổ của đế chế ở thập niên 30 của thế kỷ XIX (33) cũng tạo thêm một động lực mới cho phát triển kinh tế, thúc đẩy phát triển quan hệ tư bản chủ nghĩa ở các xứ thuộc địa và phụ thuộc.

Như vậy, có thể nói rằng, trong khoảng 100 năm, kể từ sau Hòa ước Vienna được ký kết (1815) cho đến Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất bùng nổ (1914), nước Anh không chỉ thiết lập một đế quốc "mặt trời không bao giời lặn", một "công xưởng của thế giới" với sự vượt trội về công nghiệp hóa và sản xuất hàng công nghiệp, mà quan trọng hơn là tạo cho mình một "nền hòa bình" một "trật tự Britanica" với tư cách là người tạo dựng, bảo trợ các luật chơi trong quan hệ quốc tế, nhất là về thương mại hàng hải toàn cầu.

2. Sự suy yếu và tàn lụi của Trật tự Britanica

2.1. Sự suy yếu của Trật tự Britanica trong nửa đầu thế kỷ XX

Sự trỗi dậy của Đức và Nga ở châu Âu, Nhật Bản ở Viễn Đông và đặc biệt là sự vươn lên của Hoa Kỳ với tư cách là cường quốc số một thế giới diễn ra nhanh chóng từ những thập niên cuối của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã làm tăng cạnh tranh đế quốc trong phân chia thuộc địa và thị trường. Hệ quả của nó làm thổi bùng Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất (1914-1918) và sụp đổ trật tự Vienna, đồng thời làm cho chính sách "cô lập vinh quang" (Splendid Isolation" mà Anh thực hiện trong thế kỷ XIX trở nên kém màu nhiệm (34). Nước Anh từ thời gian này phải phân tán lực lượng và liên minh với các nước khác để đối phó với các đe dọa mới, đặc biệt là sự trỗi dậy quân sự của Đức và liên minh Đức - Áo Hung (35). Trong khi đó, Mỹ từ nửa sau thế kỷ XIX, về cơ bản kết thúc nội chiến, thống nhất lãnh thổ và đẩy mạnh công nghiệp hóa, vượt Anh về sản xuất công nghiệp (36). Từ cuối thập niên 90 của thế kỷ XIX, Mỹ vượt Anh về tỷ trọng sản lượng sản xuất của thế giới (37). Cũng từ thời điểm này, Mỹ trở nên can thiệp mạnh vào vùng biển Caribe, Viễn Đông, đẩy mạnh thương mại với thế giới, trước hết là với khu vực châu Á-Thái Bình Dương (38). Trong khi đó, Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX trở thành một nước tư bản, một thế lực bành trướng thuộc địa ở Viễn Đông. Để bảo vệ mình trong bối cảnh mới, nước Anh phải thiết lập liên minh, chia sẻ lợi ích với các cựu thù địch là Pháp và Nga cũng như cường quốc mới nổi là Nhật Bản (39). Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất bùng nổ không chỉ buộc Anh phải trực tiếp tham chiến chống lại Liên minh Đức Áo-Hung ở châu Âu, mà còn đưa quân chiếm đóng các thuộc địa hải ngoại của Đức tại nhiều nơi trên thế giới như ở Tây Phi (ở Namibia, một phần của Nam Phi, Cameroon...), ở Nam Thái Bình Dương (như ở Guinea và Samoa).

Điều cần nhấn mạnh là việc kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất (1918), trong đó Anh quốc là một nước thắng trận cũng không làm tăng vị thế của nước Anh trên trường quốc tế cho dù Anh kiểm soát thêm nhiều vùng lãnh thổ theo các khoản của Hòa ước Versailles 1919-1920 (40). Việc Mỹ tham gia vào Khối Đồng minh (41) và giữ vai trò nổi trội đưa đến sự đầu hàng của nước Đức đã làm tăng nhanh vị thế của Hoa Kỳ trong định hình nền hòa bình và trật tự thế giới. Điều này được thể hiện bằng việc Mỹ đưa ra sáng kiến (năm 1918) và chủ động thành lập Hội Quốc Liên (năm 1920) (42), đặc biệt là buộc các nước trong trong Khối Đồng minh ký Hiệp ước Washington (1921-1922), trong đó đảm bảo cho Mỹ có nhiều lợi ích hơn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (43). Trong khi đó nước Nga Xô Viết ra đời vào tháng 11 năm 1917 đã bắt đầu tạo dựng một hệ thống quyền lực mới, thách thức với hệ thống Versailles - Washington. Những biến cố, nhất là sự xác lập vị thế nổi trội của Mỹ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa (44) và sự ra đời của nhà nước Liên bang Xô viết từ năm 1917 với chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới (45) đã làm cho Trật tự Britanica suy yếu nhanh chóng trong những năm 20-30 của thế kỷ XX. Cùng với đó, sự nổi lên của Đức Quốc xã với sự cầm quyền của Hitler từ năm 1933 và sau đó Đức tấn công Ba Lan vào năm 1939 và đặc biệt là xâm lược Liên Xô vào năm 1941 đã thổi bùng Chiến tranh thế giới lần thứ II làm cho trật tự Versailles - Washington hoàn toàn sụp đổ. Đế quốc Anh một mặt phải dồn lực chống lại trục phát xít, quân phiệt Đức - Ý - Nhật, mặt khác phải đối phó với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang vùng lên ở các xứ thuộc địa.

2.2. Sự suy tàn của Trật tự Britanica từ nửa sau thế kỷ XX

Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc vào năm 1945, sự phát triển mạnh của Liên Xô và hình thành hệ thống Xã hội chủ nghĩa từ Âu sang Á như một cực quyền của thế giới đã làm cho cán cân quyền lực thế giới thay đổi. Tây Âu, một trung tâm quyền lực của thế giới tư bản trở nên suy yếu nhanh chóng. Thay vào đó, nước Mỹ tiếp tục khẳng định mình như một siêu cường số 1 thế giới (46). Các nước tư bản dù thắng trận hay thua trận giờ đây phải dựa vào Mỹ để phục hồi kinh tế và sự che chở về an ninh. Đây là cơ hội có một không hai để Mỹ nắm quyền lãnh đạo thế giới tư bản chủ nghĩa và thực hiện chiến lược toàn cầu giành quyền bá chủ. Từ hệ quả trên đã hình thành nên một trật tự thế giới mới hay gọi là Trật tự hai cực Yalta (47), một bên là do Mỹ đứng đầu và bên kia do Liên Xô dẫn dắt. Từ thời điểm này, nước Anh cũng như các nước tư bản khác nằm trong quỹ đạo của Mỹ, không chỉ phụ thuộc về an ninh-quân sự (là thành viên của NATO từ 1949, do Mỹ lãnh đạo), mà còn cả về kinh tế-thương mại (48).

Trong khi đó, hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu trở thành một nhân tố chính thúc đẩy nhanh quá trình phi thực dân hóa và làm tăng tính độc lập của các nước trong Khối Thịnh vượng chung Anh. Từ thời gian này, hàng loạt các nước như Ấn Độ (vào năm 1947), Srilanka, Myanmar (1948), Malaya (1957)… giành được độc lập. Từ năm 1945 đến năm 1965, dân số các nước nằm dưới sự cai trị của đế quốc Anh nằm ngoài Vương quốc Anh giảm từ 700 triệu xuống còn 5 triệu, trong đó 3

triệu tại Hồng Kông (49). Các nước nằm trong Khối thịnh vượng Anh như Úc, Newzeland, Canada trở nên thân thiết với Hoa Kỳ, cùng với Hoa Kỳ lập nên các liên minh phòng thủ mới như Hiệp ước ANZUS giữa Úc, Newzeland và Mỹ (ra đời vào năm 1951). Hơn nữa hàng loạt các nước quan trọng, thân thiện, có mối quan hệ lịch sử, văn hóa và luật pháp với Anh như Canada, Newzeland, Australia trong những năm 80 của thế kỷ XX đã đoạn tuyệt kết nối tư pháp và liên kết hiến pháp với Anh (50). Sự kiện Anh chuyển giao Hồng Kông cho Trung Quốc vào năm 1997 có lẽ đánh dấu sự kết thúc hoàn toàn của đế quốc Anh nói chung, Trật tự Britanica nói riêng.

Bên cạnh đó, sự ra đời của các định chế quốc tế, nhất là Hệ thống Liên hợp quốc mà tiêu biểu là bản Hiến chương Liên hợp quốc và hệ thống Bretton Woods, trong đó có các định chế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB) (năm 1944), Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) (1947), sau đó là Tổ chức thương mại thế giới (WTO) (1994), đã tạo ra các quy tắc, luật chơi chung cho các quốc gia-dân tộc có chủ quyền, thúc đẩy hợp tác, duy trì hòa bình thế giới. Hơn nữa, việc hình thành các khối liên kết kinh tế - chính trị khu vực như EU, ASEAN, các tổ chức an ninh, quân sự như NATO, ANZUS, Hiệp ước Vacsava... cũng góp phần đưa đến sự suy tàn của Trật tự Britanica từ nửa sau thế kỷ XX.

Điều quan trọng không kém đã·góp phần đưa đến sự suy tàn của Trật tự Britanica từ nửa sau thế kỷ XX là sự phát triển nhanh chóng, nhất là về năng suất lao động và công nghệ của Mỹ, Nhật Bản, Đức, sự nổi lên của các nền công nghiệp mới ở châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Singapore, sự cạnh tranh, đối đầu chiến lược giữa Mỹ và Liên Xô cả về công nghệ, nhất là về công nghệ không gian. Trong khi đó nước Anh tỏ ra ít hiệu quả hơn trong đầu tư phát triển công nghệ và tạo ra các sản phẩm mới có sức cạnh tranh so với nhiều nước trên.

3. Kết luận

Thứ nhất, sự biến đổi nhanh về quan hệ sản xuất theo hướng tư bản chủ nghĩa, khuyến khích tự do thương mại, phát triển công nghệ và thúc đẩy công nghiệp hóa, xây dựng lực lượng hải quân mạnh và đặc biệt là phát triển mạng lưới mậu dịch với sự năng động của các công ty tư nhân và nỗ lực thiết lập hệ thống thuộc địa rộng lớn trên quy mô toàn cầu là những nhân tố chính đưa nước Anh vượt các đế quốc khác ở châu Âu, trở thành một đế chế có "mặt trời không bao giờ lặn", "công xưởng thế giới", chi phối các dòng thương mại và luật pháp kinh doanh quốc tế, đóng vai trò như một lực lượng cảnh sát chủ chốt trên toàn cầu cũng như duy trì một trật tự, trạng thái cân bằng quyền lực giữa các đế quốc, trước hết là ở châu Âu trong khoảng 100 năm kể từ 1815 đến 1914. Chính những yếu tố trên đã tạo dựng nên một "nền hòa bình Anh quốc" (Pax Britanica", một "Trật tự Anh quốc" (Britanica Order or British Order) với tư cách là người tạo dựng, bảo trợ, chi phối các luật chơi trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, sự suy yếu của Trật tự Britanica trong nửa đầu thế kỷ XX trước hết là hệ quả của sự hình thành Trật tự Versailles - Washington sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất với vai trò nổi trội của Mỹ và sự hình thành, phát triển của nhà nước Xô Viết. Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc với sự ra đời của Trật tự Yalta và sự phân chia thế giới hai cực Mỹ- Xô, sự hình thành các định chế quốc tế, tiêu biểu là Hệ thống Liên hợp quốc và Hệ thống Bretton Woods cũng như sự nổi lên của phong trào phi thực dân hóa, đấu tranh

giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và phụ thuộc của nước Anh đã đưa đến sự suy tàn của Đế quốc Anh nói chung, Trật tự Britanica nói riêng ở nửa sau thế kỷ XX.

Thứ ba, khát vọng lớn trở thành và duy trì vị thế nổi trội hay bá chủ thế giới là một trong những nguyên nhân chính đưa đến sự hình thành Trật tự Britanica. Tuy nhiên, cũng chính tham vọng quá lớn trên đã làm cho nước Anh sa đà vào các cuộc chiến tranh đế quốc, sao nhãng hay thiên lệch trong đầu tư phát triển hàng hóa, công nghệ mới có sức cạnh tranh cao và hệ quả là làm cho nền hòa bình hay Trật tự Britanica suy yếu và đi đến suy tàn. Có lẽ bài học lớn nhất không chỉ riêng cho nước Anh, mà cho bất kỳ một cường quốc nào muốn áp đặt luật chơi có lợi cho mình mà không hài hòa lợi ích của nước khác thì sớm muộn cũng bị sụp đổ.

CHÚ THÍCH

(*). Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu công trình cấp Bộ "Cục diện thế giới đến năm 2030, tầm nhìn đến giữa thế kỷ 21 và đối sách của Việt Nam" do TS. Đặng Xuân Thanh làm chủ nhiệm.

(1). Nước Anh từng là thuộc địa nhỏ của Đế chế La Mã trong thế kỷ I Công nuyên. Trong khoảng thế kỷ XI-XI, nước Anh từng bị người Saxon xâm chiếm và chinh phục. Từ năm 1066, người Anh đã đẩy lùi cuộc xâm chiếm của người Norman, chấm dứt sự cai trị của người nước ngoài. Từ thế kỷ XII trở đi, quá trình thống nhất các tiểu vương quốc trên đảo Britain diễn ra mạnh mẽ, trong đó Vương quốc England trở thành hạt nhân trung tâm của quá trình này. Vào năm 1707 khi Scotland chính thức gia nhập với Vương quốc Anh (gồm England, xứ Wales) và nước Anh được gọi với cái tên là Liên hiệp Vương quốc Anh (United Kingdom of Great Britain). Đến năm 1801, Bắc Ireland sáp nhập vào vương quốc này với cái tên Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland) cho đến ngày nay.

(2). Thuật ngữ "công xưởng của thế giới" được đưa ra tại Hội chợ thế giới (World's Fair) lần đầu tiên tổ chức tại London năm 1851. Còn thuật ngữ "trung tâm giao dịch của vũ trụ" được nhà kinh tế học Jevons đưa ra vào năm 1865.

(3). "Trật tự Britanica" và "Hòa bình Britanica" đựa theo tên gọi "Trật tự La Mã "Romana Order" và Pax Romana", trong đó được hiểu là thời kỳ mà nước Anh thiết lập cho mình một nền hòa bình tương đối, có sức mạnh vượt trội trên hầu hết các mặt so với nước khác và đặc biệt là chi phối các luật chơi trong quan hệ quốc tế, đảm nhiệm vai trò của một lực lượng chính cảnh sát toàn cầu.

(4). Ở Chương 39 của Đại Hiến chương này đã khẳng định rằng "Không một công dân tự do nào bị bắt giữ hay giam cầm, bị tước quyền hay tài sản, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật hay đày ải, hay tước đi địa vị theo bất cứ một cách nào; chúng ta cũng không thể dùng vũ lực để ép buộc công dân đó, hoặc trao quyền cho người khác làm việc đó, trừ khi có phán quyết hợp pháp của những người ngang hàng với anh ta hoặc bởi luật pháp của vùng anh ta cư trú"; Và trong Chương 40 khẳng định một nguyên tắc mạnh mẽ rằng "Chúng ta sẽ không bán, chúng ta cũng sẽ không từ chối hay trì hoãn quyền hay công lý đối với bất kỳ ai". (xem thêm: Peter Singer. "Magna Carta at 800", *Project Syndicate*, 04-6-2015.

(5). Việc Giáo hội Anh tách khỏi Giáo hội La Mã, trở thành giáo hội độc lập cũng như sự sáp nhập xứ Wales vào Vương quốc Anh ở những năm 30 của thế kỷ XVII đã tạo nên mâu thuẫn ngày càng lớn trong xã hội Anh. Tầng lớp trung lưu muốn trở nên độc lập hơn với vương quyền và thần quyền, đề cao vai trò của Nghị viện và Đạo Tin lành, nhất là người Anh khu vực trung tâm và phía Đông. Điều này đưa đến nội chiến cách mạng

của Anh trong thế kỷ XVII. Kết quả là nhà vua bị hạn chế quyền lực và vai trò của Nghị viện tăng lên. "Dự luật về các Quyền" mà Nghị viện Anh đưa ra và được phê chuẩn vào năm 1689 trong đó quy định các quyền cơ bản của người dân như quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền tự do, trong đó có tự do tôn giáo. Đến năm 1701, Luật Kế vị được thực thi, trong đó quy định chỉ tín đồ Tin Lành mới được kế vị ngôi báu. Điều luật này được thi hành từ đó cho tới hiện nay.

(6). Vào năm 1496, nhà vua Anh Henry VII đã ủy quyền cho John Cabot dẫn đầu một đoàn thám hiểm khám phá đường sang châu Á qua ngả Đại Tây Dương. Năm 1497, đoàn đã đặt chân lên bờ biển phía Đông Bắc của Bắc Mỹ và gọi đó là Newfoundland. Mãi cho đến năm 1583, dưới thời của Nữ hoàng Elizabeth I, vùng đất này trở thành chủ quyền của Anh khi Humphrey Gibert nhà thám hiểm thứ hai của Anh đến vùng đất này và tuyên bố về điều này.

(7). Ví dụ như vùng đất Carolina trước 1639 là thuộc địa của Hà Lan, nhưng sau khi Hà Lan bị thất bại trong chiến tranh với Anh ở Amsterdam năm 1634, người Anh giành quyền kiểm soát Carolina và đổi tên thành New York. Hay trường hợp các bang ở phía Nam của nước Mỹ ngày nay, trải dài từ Texac, New Mexico và California từng là thuộc địa hay vùng ảnh hưởng, nhất là về truyền giáo của Tây Ban Nha, nhưng từ nửa sau thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX lần lượt bị người Anh, sau đó là người thuộc chủng quốc Hoa Kỳ thôn tính. Cùng với trên, các thuộc địa của Anh cũng lần lượt được xác lập ở vùng biển Caribe như ở St. Kitts (1624), Barbados (1627), Nevis (1628), Jamauca (1655), Bahamas (1666)...

(8). Năm 1651, Quốc hội Anh ra sắc lệnh rằng chỉ có tàu Anh mới được phép qua lại để giao dịch trong các thuộc địa của Anh. Năm 1672, "Công ty Hoàng gia châu Phi" của Anh được thành lập và được quốc vương Anh cấp cho độc quyền giao dịch để cung cấp nô lệ cho các thuộc địa của Anh tại châu Mỹ, nhất là ở vùng Caribe.

(9). Sau đó 2 năm, vào năm 1602, người Hà Lan cũng lập nên Công ty Đông Ấn Hà Lan (Vereeigde Geoctroeerde Oost Indische Compagnie-VOC).

(10). Một trong những nguyên nhân là do Anh và Hà Lan diễn ra 3 cuộc chiến tranh trong thế kỷ XVII. Hơn nữa, người Hà Lan thiết lập được nhiều thương điếm thương mại ở châu Á, nhất là ở Đông Nam Á. Xem thêm: Trần Khánh, *Lịch sử Đông Nam Á*, Tập IV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr. 62-65.

(11). Tính đến năm 1720, lợi nhuận từ kinh doanh từ các hàng dệt may của Anh ở Ấn Độ đã vượt doanh thu buôn bán gia vị của người Hà Lan ở Indonesia (xem thêm: Ferguson Niall. Empire: The Rise and Demise of the British World Order and the lessions for Global Power. *The Wall Street Journal*, April 14, 2004. p.19.

(12). Vào năm 1707, Hiệp định Liên minh được ký kết, theo đó Anh (Britain) và Scotland trở thành một quốc gia thống nhất với tên gọi là Great Britain hay Liên Hiệp Anh.

(13). Xem thêm: Jamer Lawrence, *The Rise and Fall of the British Empire*, Abacus, 2001, p.58.

(14). Cuộc chiến Bảy năm (1756-1763) giữa các cường quốc châu Âu, trong đó có cuộc chiến giữa Anh và Pháp ở Ấn Độ diễn ra tại Plassey vào năm 1757 đã mang lại thắng lợi cho Anh, theo đó EIC của Anh trở thành thế lực kinh tế quân sự và chính trị lớn nhất tại Ấn Độ, kiểm soát hầu như toàn bộ khu vực Bengal. Trận chiến ở Plassey đã kết thúc những nỗ lực của người Pháp trong chinh phục Ấn Độ (xem thêm: Smth Simon, *ritish Imperianlism1750-1970*, Cambridge University Press, 1998, pp.17-19).

(15). Đến giữa thế kỷ XVIII, nước Anh đã thiết lập được 13 đơn vị thuộc địa của mình ở Bắc Mỹ. Mâu thuẫn giữa thuộc địa và chính quốc của đế quốc này nổi lên trong những năm 60-70 của thế kỷ XVIII khi Quốc hội Anh đưa ra các loại thuế đối với những người đứng đầu các xứ thuộc địa mà không bàn bạc với họ. Các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ không chấp nhận điều này và tuyên bố tự quản,

không phụ thuộc vào Quốc hội Anh. Nhằm đối phó với phong trào ly khai, quân đội Anh đưa quân tái lập quyền cai trị của mình và điều này bùng nổ chiến tranh giữa vương quốc Anh và 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ vào năm 1775. Đến năm 1776, 13 thuộc địa này tuyên bố độc lập, khai sinh ra Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Người Pháp ủng hộ phòng trào độc lập trong cuộc chiến này làm cho cán cân quân sự ngày càng nghiêng về phía người Mỹ. Thất bại của quân Anh tại Yorktown vào năm 1781 buộc nước này phải thương lượng hòa bình tại Paris vào năm 1783, công nhận Hoa Kỳ là một quốc gia độc lập.

(16). Từ những thập niên cuối của thế kỷ XVIII, Quốc hội Anh đã ra hàng loạt đạo luật như Đạo luật Điều tiết 1773, Đạo luật Ấn Độ Pitt 1784, Đạo luật Đặc quyền 1813 mà theo đó cho phép các Công ty thương mại của Anh, nhất là EIC được quyền lập bộ máy hành chính và quyền cai trị đối với các lãnh thổ mà các công ty giành được (xem thêm: Keay John. *The Honourable Company*. Macmillan Publising Company, 1991, p.392-394.

(17). Từ nửa sau thế kỷ XVIII, EIC của Anh dưới sự hỗ trợ của lực lượng hải quân đã thiết lập được quyền cai trị hầu hết khu vực ven vịnh Bengal và và nhiều vùng đất ở phía Đông và Tây của Ấn Độ. Vào giữa thế kỷ XIX (vào năm 1857), binh lính người Ấn Độ phục vụ cho EIC tiến hành binh biến, và sau đó lan tỏa trở thành cuộc khởi nghĩa của người Ấn Độ chống lại thực dân Anh. Sự kiện này làm cho thực dân thay đổi chiến lược cai trị, giải thể EIC và thay vào đó chính phụ Vương quốc Anh trực tiếp cai trị tại xứ thuộc địa này (xem thêm: Parsons Timthy. *The British Imperial Century*, 1815-1914: A World Histoty Perspective. Rowman & Littlefield, 1999, pp. 44-46.

(18). Ngay sau đó chiến tranh giữa Anh và Trung Quốc diễn ra từ 1840 đến 1842 thường gọi là chiến tranh Thuốc phiện lần thứ nhất). Anh thắng trong cuộc chiến tranh này. Theo Điều ước Nam Kinh năm 1842, nhà Thanh nhượng lại Hồng Kông cho Anh cai trị. Cuộc chiến tranh Thuốc phiện lần thứ hai (1856-1860) do các nước phương Tây phát động, trong đó Anh đóng vai trò chủ chốt đã buộc nhà Thanh ký Hiệp ước Thiên Tân vào năm 1858, theo đó Anh, Pháp, Mỹ được quyền lập các công sứ tại Bắc Kinh; Trung Quốc phải mở thêm 12 cảng và cho phép người nước ngoài được tự do đi lại trong lãnh thổ của Trung Quốc cũng như phải bồi thường chiến tranh cho Anh và Pháp vì chống lại họ...

(19). Xem thêm: Trần Khánh, *Lịch sử Đông Nam Á*, Tập IV, sđd, 2012, tr.107-144, 190-193.

(20). Australia được người Hà Lan khám phá ra từ năm 1606 và sau đó Công ty Đông ấn Hà Lan đặt tên là "Tân Hà Lan". Tuy nhiên người Hà Lan sau đó hầu như không có một nỗ lực nào thuộc địa hóa vùng đất mới này. Đến năm 1770, người Anh là James Cook đặt chân đến vùng đất này và tuyên bố đây là lục địa thuộc về Anh và đặt tên là New South Walls. Từ 1788, những chuyến tàu đầu tiên của Anh chở tù nhân cập bến Australia. Còn ở Newzeland, James Cook cũng phát hiện ra trước đó một năm (vào năm 1769) và cũng tuyên bố thuộc chủ quyền của Anh.

(21). Kênh đào Suez được hoàn thành vào năm 1869 bởi nguồn vốn vay của các công ty của Pháp và nhiều nước khác, trong đó có Anh. Phó vương của Ai Cập do bị nợ nần buộc phải bán cổ phần của mình trong Kênh đào Suez cho các đế quốc phương Tây, trước hết là Anh và Pháp. Lợi dụng nội chiến giữa các phe phái ở Ai Cập và Sudan, vào năm 1898, Anh đã đưa quân giúp vua Ai Cập đánh bại phiến quân. Sau sự kiện này, Anh giành được quyền kiểm soát hai quốc gia liền kề nhau ở Bắc Phi là Ai Cập và Sudan.

(22). Mũi Hảo vọng do nhà hàng hải người Bồ Đào Nha là Bartolomeu Dias phát hiện vào năm 1488. Công ty Đông Ấn Hà Lan thiết lập thương điếm tại nơi đây vào năm 1652 và sau đó biến nơi đây thành thuộc địa của Hà Lan. Người Anh lần đầu chiếm đóng mũi Hỏa vọng vào năm 1795, nhưng đến năm 1803 từ bỏ sự kiểm soát của mình. Tuy nhiên đến năm 1806 đưa quân chiếm đóng lần hai. Theo Hiệp ước Anh-Hà Lan năm 1814, Anh

chính thức trở thành chủ nhân của mũi Hảo vọng. Đến năm 1910 thuộc địa này được sáp nhập vào Liên hiệp Nam Phi độc lập năm 1910 (ngày nay là Cộng hòa Nam Phi).

(23). Vào năm 1854, Anh và Pháp đánh chiếm Crimea và sau đó diễn ra cuộc chiến tranh với Nga (trong lịch sử gọi là Chiến tranh Krym 1854-1855). Nga thua trận nhưng Anh và Pháp không thiết lập được thuộc địa tại đây vì Nga sau đó liên tục phản công.

(24). Từ cuối thế kỷ XVIII cho đến những thập niên đầu của thế kỷ XX, trọng tải tàu chiến của Anh luôn đứng đầu thế giới (xem thêm: Paul Kennedy. *Sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc*: Sự biến đổi kinh tế và xung đột quân sự từ năm 1500 đến năm 2000. (Nguyễn Thanh Xuân dịch). Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2022, tr. 322).

(25). Parsons Timthy, *The British Imperial Century*, 1815-1914: A World Histoty Perspective. Rowman & Littlefield, 1999, p. 3.

(26). *Cách mạng công nghiệp lần thứ Nhất hay gọi là Cách mạng công nghiệp 1.0* diễn ra trong khoảng từ những năm 80 của thế kỷ XVIII đến những năm 60-70 của thế kỷ XIX gắn liền với các phát minh mới về công nghệ mà tiêu biểu là sự ra đời của động cơ hơi nước vào năm 1784. *Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Hai hay gọi là Cách mạng cộng nghiệp 2.0* diễn ra khoảng từ những năm 70 của thế kỷ XIX gắn liền với sự ra đời của máy phát điện và sử dụng năng lượng điện.

(27). Từ sau 1815, GDP của Vương quốc Anh đứng đầu thế giới. Vào khoảng những năm 60 của thế kỷ XIX, nước này sản xuất 53% lượng sắt và 50% lượng than và tiêu thụ khoảng ½ sản lượng bông của thế giới. Mức tiêu thụ năng lượng từ các nguồn hiện đại như than đá, than non, dầu mỏ cao gấp 5 lần Hoa Kỳ. Cùng với đó, nước Anh kiểm soát tới 1/5 nền thương mại, 2/3 lượng hàng hóa sản xuất ra và tới 1/3 số thương nhân của thế giới. Đến năm 1880, nước Anh chiếm tới 22,9% tỷ trọng sản lượng sản xuất của thế giới. Trong khi đó Mỹ mới chỉ đạt tới 14,7% (xem Paul Kennedy, *Sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc*: Sự biến đổi kinh tế và xung đột quân sự từ năm 1500 đến năm 2000. (Nguyễn Thanh Xuân dich). Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2022, tr. 244 và 248-249).

(28). Học thuyết về nền kinh tế thị trường tự do, trong đó coi tự do cạnh tranh, tự do thị trường và bình đẳng trước các quy định.... do Adam Smith đưa ra vào năm 1776 đã tạo ra bước đột phá về tư duy và hành động chiến lược về tự do thương mại của nước Anh và toàn thế giới.

(29). Xem thêm: Darwin John, *Unfinished Empire: The Global Expansion of Britain*. London: Allen Lane, 2013, pp.390-391.

(30). Hòa ước Đại hội Viên 1815 đã mang lại lợi ích cho nước Anh như Pháp phải nhường lại cho Anh quần đảo Lonia, Malta ở Địa Trung Hải, Mauritius, Saint Lucia và Tobago ở vùng biển Caribe; Tây Ban Nha nhượng cho Anh đảo Trinidad (vùng biển Caribe); Hà Lan nhượng lại cho Anh Guyana (ở Nam Mỹ) và thuộc địa Cape (ở Nam Phi). Hơn nữa vào năm 1815, Anh sáp nhập Ceylon (nay là Srilanca) vào lãnh thổ của vương quốc Anh cũng như sau đó ký kết các hiệp ước với các nước trên vịnh Ba Tư về sự bảo vệ an ninh của Anh đối với các nước Ả Rập.

(31). Xem thêm: "Chu kỳ chiến tranh và hòa bình trong lịch sử thế giới" https://nghiencuuquocte.org/2014/04/06/chu-ky-chien-tranh-va-hoa-binh

(32). Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XVIII, nước Pháp trải qua Cách mạng tư sản. Sau đó nền chính trị trong nước bất ổn bởi xung đột nội bộ giữa phái cấp tiến cộng hòa tư sản với phái bảo thủ, muốn lập lại nền quân chủ sau Cách mạnh tư sản 1789-1794.

(33). Từ năm 1807, nước Anh đã ban hành Đạo luật bãi bỏ buôn bán nô lệ. Tuy nhiên đến năm 1834, đạo luật này mới chính thức được thi hành trong hầu hết các thuộc địa và lãnh thổ phụ thuộc của đế chế Anh. Theo đạo luật này, nô lệ được giải phóng hoàn toàn sau một khoảng thời gian từ 4 đến

6 năm "học nghề", và đồng thời chủ sở hữu nô lệ sẽ được chính phủ Anh bồi thường (xem thêm: Hinks Perte, Encyclopedia of antislavery and abolition. Greenwood Publishing Group, 2007, p.129).

(34). "Cô lập Vinh quang" là một thuật ngữ mà các nhà khoa học Anh - Mỹ thường đề cập để chỉ về chính sách đối ngoại nghiêng về cân bằng chiến lược, không tham gia vào các liên minh quốc tế, giữ một khoảng cách nhất định với các quốc gia khác (xem thêm: Tạ Hoàng Tờn, Đại chiến lược của Hoa Kỳ thật sự là gì (P1). *Nghiên cứu Quốc tế*, ngày 31 tháng 12, 2021).

(35). Liên minh Đức-Áo-Hung thành lập vào năm 1882 nhằm cạnh tranh ảnh hưởng với các đế quốc khác trong khu vực Balkans, nhất là với Nga và Thổ Nhĩ Kỳ.

(36). Đến năm 1894 tổng giá trị sản xuất công nghiệp của Mỹ chiếm 30,1% sản lượng công nghiệp thế giới, gấp 3,2 lần so với Anh, 3,93 lần so với Đức và 4,28 lần so với Pháp (Xem: Trần Thị Vinh, *Chủ nghĩa tư bản- Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900-2020),* Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019, tr. 78).

(37). Nếu như năm 1880, sản lượng sản xuất của Anh chiếm 22,9% của thế giới thì đến năm 1900 giảm còn 18,5%, và đến năm 1913 tụt xuống còn 13,6% và giảm còn 9,9% vào năm 1928. Trong khi đó của Mỹ tăng từ 14,7% năm 1880 lên 23,6% vào năm 1900, năm 1913 tăng tới 32% và lên con số 39,3% vào năm 1928 (xem: Paul Kennedy (2022). *Sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc*: Sự biến đổi kinh tế và xung đột quân sự từ năm 1500 đến năm 2000. (Nguyễn Thanh Xuân dich, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2022, tr. 320).

(38). Năm 1893, Mỹ xâm chiếm Hawaii và sáp nhập quần đảo này vào lãnh thổ nước Mỹ. Năm 1898, Mỹ chiếm Cuba từ Tây Ban Nha và đến 1902 dựng nên một chế độ thân Mỹ tại đảo quốc này. Cũng vào năm 1898, Mỹ đã thúc ép Tây Ban Nha nhượng lại thuộc địa này cho Mỹ và sau đó đè bẹp phong trào nổi dậy giành độc lập của người Philippines trong những năm 1899-1903. Từ sau đó Philippines nằm dưới sự cai trị của Mỹ cho đến năm 1946.

(39). Vào năm 1902, lần đầu tiên Anh ký với Nhật Bản thành lập một liên minh nhằm cạnh tranh và khống chế sự bành trướng của nước Nga ở Viễn Đông. Đến năm 1904, Anh ký hiệp ước thân thiện với Pháp nhằm hòa giải các tranh chấp thuộc địa có từ lâu đời ở Bắc Phi và thiết lập quan hệ hữu hảo giữa hai nước này. Đến năm 1907, giữa Anh và Nga cũng ký kết một hiệp ước thân hữu nhằm dàn sếp các mâu thuận, xung đột lợi ích ở khu vực Trung Á-Trung Cận Đông.

(40). Theo các điều khoản của Hòa ước Versailles 1919-1929, lãnh thổ của Đế quốc Anh có thêm 4.700.000 km2 và dân số tăng thêm 13 triệu người. Các thuộc địa của Đức và Ottoman được phân cho các cường quốc Đồng Minh thắng trận kiểm soát với vị thế do Hội Quốc Liên ủy thác, theo đó Anh giành được kiểm soát Palestin, Transjordan (Jordan), Iraq, nhiều vùng đất của Cameroon, Togo và Tanganyika (nay thuộc Tanzania). Các quốc gia tự trị của đế quốc Anh như Liên bang Nam Phi giành được vùng rộng lớn ở Tây-Nam Phi (nay là Namibia, Úc giành được Tân Guinea thuộc Đức và Newzland giành được Tây Samoa... (xem thêm: Fox Gregory, Humanitarian Occupation. Cambridge University Press, 2008, pp. 23-29, 35-60.

(41). Mỹ chính thức tham gia vào Khối Đồng minh vào năm 1917.

(42). Hội quốc liên được thành lập theo sáng kiến của Mỹ đưa ra ở điểm 14 trong Chương trình 14 điểm của Tổng thống Wilson vào năm 1918, rằng "Thành lập một tổ chức liên hiệp các quốc gia để bảo vệ độc lập chính trị và toàn vẹn lãnh thổ cho các nước thành viên" (Xem: https://www.archives.gov/milestone-documents/president-woodrow-wilsons-14-pointspage-header).

(43). Hội nghị Washington được tổ chức với sự tham gia của 9 nước như Mỹ, Anh, Pháp, Italia,

Nhật Bản, Bỉ, Hà Lan, Bồ Đào Nha và Trung Quốc. Hàng loạt các hiệp ước mới được ký kết, trong đó các nước này cam kết không dùng vũ lực xâm phạm ở Thái Bình Dương, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước trong khu vực này, nhất là đối với Trung Quốc. Cùng với đó, các cam kết về hạn chế vũ trang, nhất là hải quân cũng được thông qua Xem thêm: Trần Thị Vinh, *Chủ nghĩa tư bản-Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900-2020),* Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.139-142.

(44). Tính đến năm 1929, sản lượng công nghiệp của nước Mỹ chiếm tới 48% của thế giới, vượt qua sản lượng công nghiệp của 5 cường quốc tư bản lúc đó là Anh, Pháp, Đức, Italia và Nhật Bản cộng lại. Từ thời gian này, Mỹ đứng đầu thế giới về các ngành công nghiệp sản xuất ô tô, thép, dầu mỏ và cũng là nước có vốn đầu tư ra nước ngoài lớn nhất thế giới. Lực lượng quân sự, nhất là về hải quân, không quân cũng mạnh nhất thế giới.

(45). Hệ thống Versailles-Washington đã loại nước Nga ra khỏi trật tự này, cho dù Nga là một nước thuộc phe Hiệp ước Đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới lần thứ I. Ngay sau Cách mạng Tháng 10 Nga thành công, Lênin đưa ra "Sắc lệnh Hòa bình", trong đó vạch trần một nền "hòa bình giả dối" của các nước tư bản và tuyên bố theo đuổi chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với các quốc gia trên thế giới.

(46). Khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, Mỹ chiếm gần 60% sản lượng công nghiệp và ¾ dự trữ vàng thế giới, đồng thời là chủ nợ lớn nhất thế giới. Về quân sự, Mỹ đứng đầu thế giới tư bản về lục quân, hải quân, không quân và giữ độc quyền về bom nguyên tử trong những năm đầu sau chiến tranh.

(47). Khi Chiến tranh thế giới thứ Hai sắp kết thúc, vào tháng 2 - 1945, 3 nguyên thủ của 3 nước là Liên Xô, Anh và Mỹ tổ chức hội nghị tại Yalta (hay có khi gọi là Hội nghị Crưm), trong đó đưa ra thỏa thuận phân chia ảnh hưởng giữa các cường quốc. Theo thỏa thuận, các nước Trung và Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, các nước Tây và Nam Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Anh và Mỹ. Nước Đức bị chia đôi thành hai phần, trong đó phía Đông thuộc ảnh hưởng của Liên Xô, phía Tây thuộc ảnh hưởng của Mỹ, Anh Pháp. Thành phố Berlin cũng chia đôi như vậy. Cũng trong hội nghị này, theo đề nghị của Mỹ, Anh, Liên Xô đã chấp thuận tham gia chiến tranh chống Nhật 3 tháng sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ngày 7-5-1945, Đại diện Đức tại Pháp ký đầu hàng với tướng Mỹ tại Pháp và đến ngày 9-5-1945 Thống chế Đức ký với Nga một bản đầu hàng nữa tại Berlin. Ngày 8-8-1945, Liên Xô tham gia tuyên chiến chống Nhật. Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng Hirohito tuyên bố đầu hàng Đồng minh.

(48). Những năm đầu sau chiến tranh, nền kinh tế Anh hầu như là phá sản. Năm 1946, sau khi dàn xếp một khoản vay 4,33 tỷ từ Hoa Kỳ, nền kinh tế, nhất là các khoản nợ từng bước được cải thiện. Mãi đến năm 2006, khoản vay trên mới được hoàn trả hoàn toàn cho Mỹ (xem: Brown Judith, *The Twentieth Century, The Oxford History of the British Empire*, Volume IV, Oxford University Press, 1998, pp. 330-340.

(49). Brown Judith, *The Twentieth Century, The Oxford History of the British Empire*, Volume IV, Oxford University Press, 1998, p. 330.

(50). Vào năm 1982, Canada thông qua Đạo luật Hiến pháp, theo đó Canada cắt đứt sự liên kết Hiến pháp Anh với Hiến pháp Canada về tư pháp. Vào năm 1986, Newzeland và Australia cũng làm tương tự. Xem thêm: Brown Judith, *The Twentieth Century, The Oxford History of the British Empire*, Volume IV. Oxford University Press, 1998, p. 689).